FireAnt

CTCP Điện nước Lắp máy Hải Phòng (HNX: DNC)

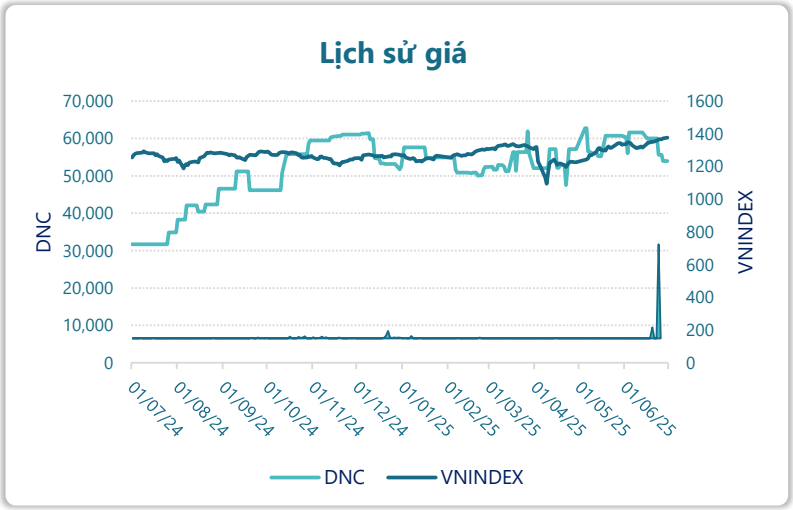

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**67,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,743
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,686
SL cổ phiếu LH	8,027,780
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	541
P/E	12.2
EPS	5,545

DT thuần

Q2/25

292

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 84.0| 40.2%

YoY: ▲ 36.0| 13.9%

LN sau thuế

Q2/25

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.02| 30.8%

YoY: ▲ 1.20| 10.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.7%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

499

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 13.6%

LN sau thuế

6T 2025

22.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.50| 12.1%

ROE

Q2/25

34.6%

+/- YoY: ▼ 5.5%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

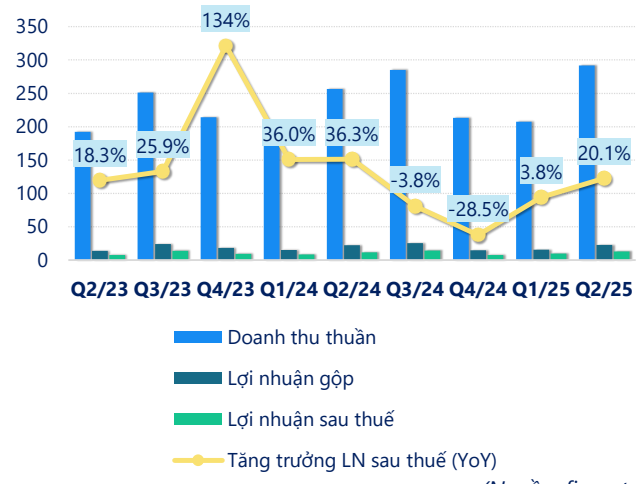

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

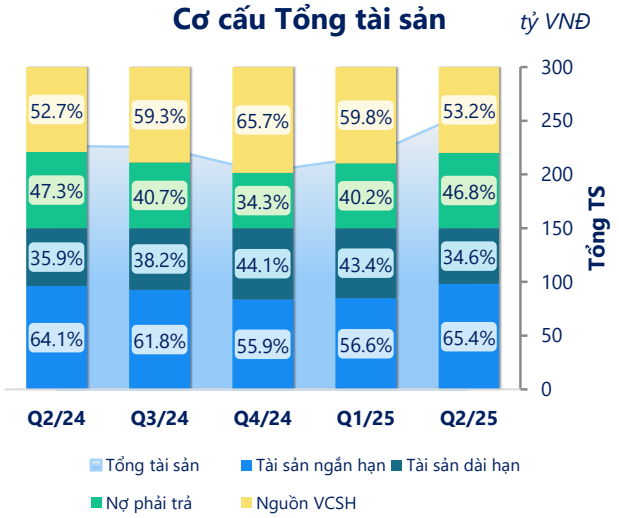

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

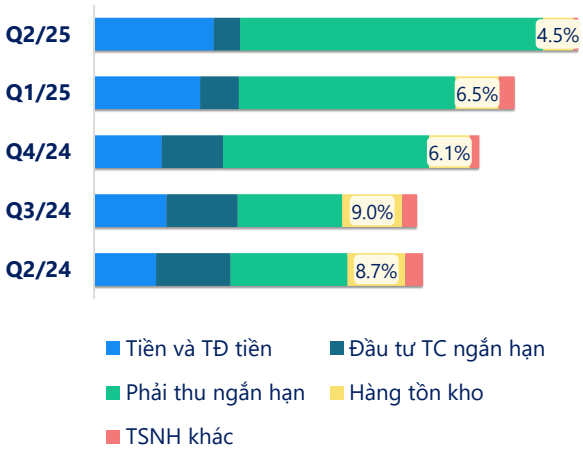

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

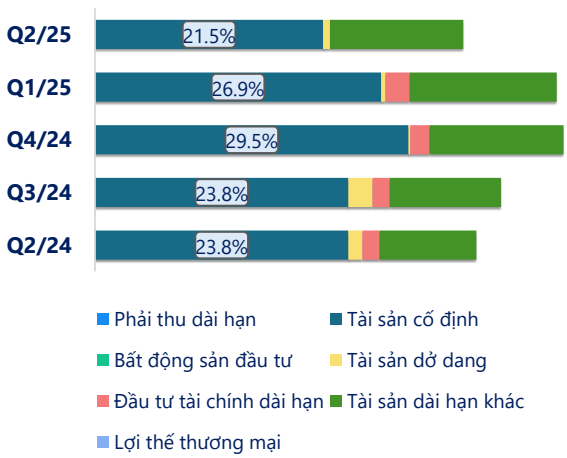

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

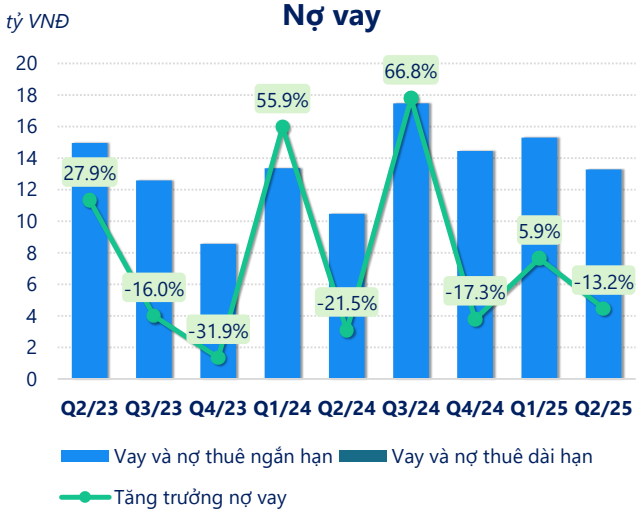

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

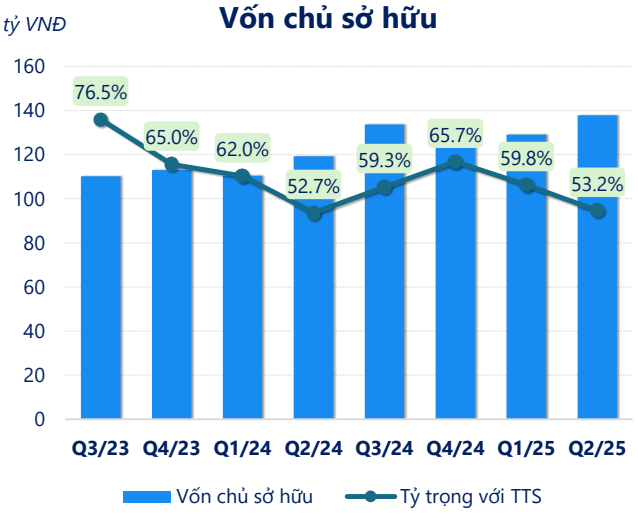

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

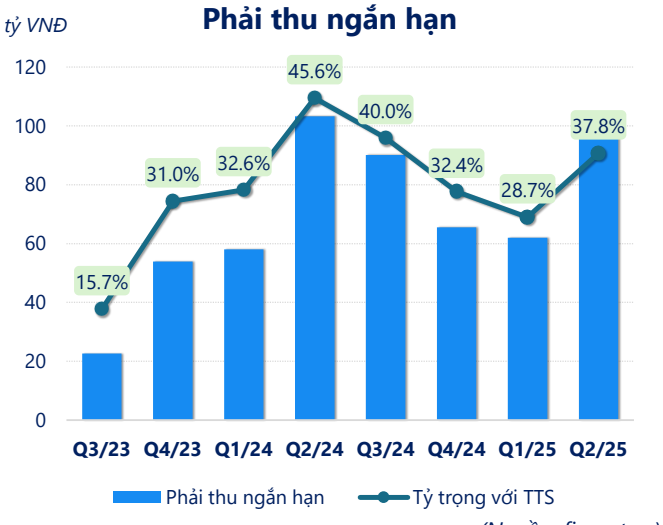

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

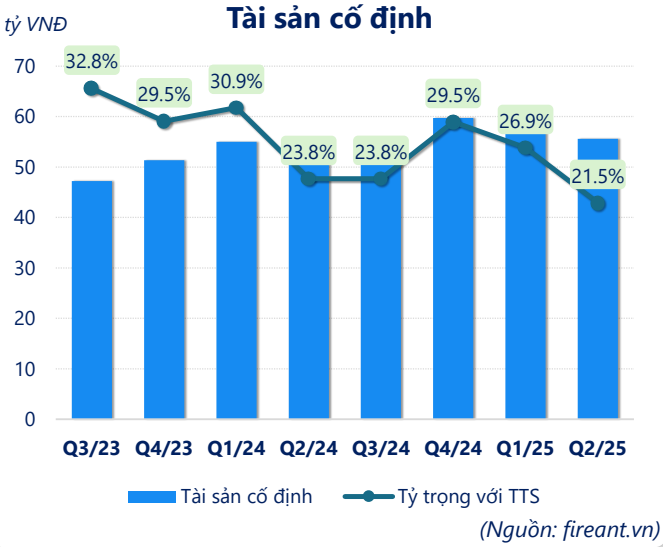

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

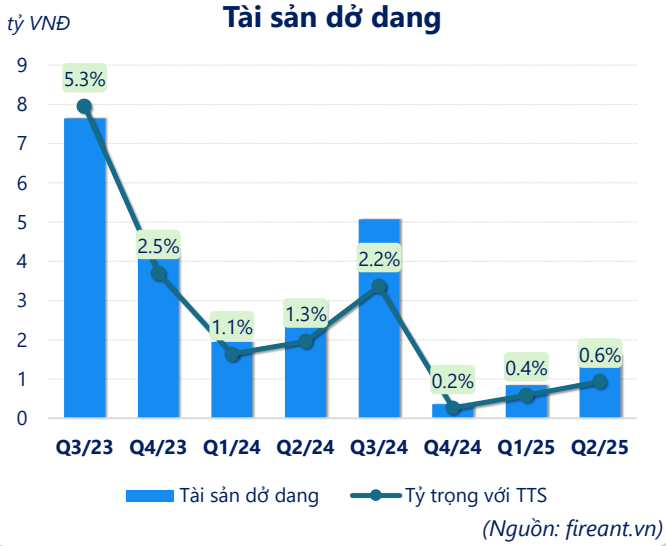

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

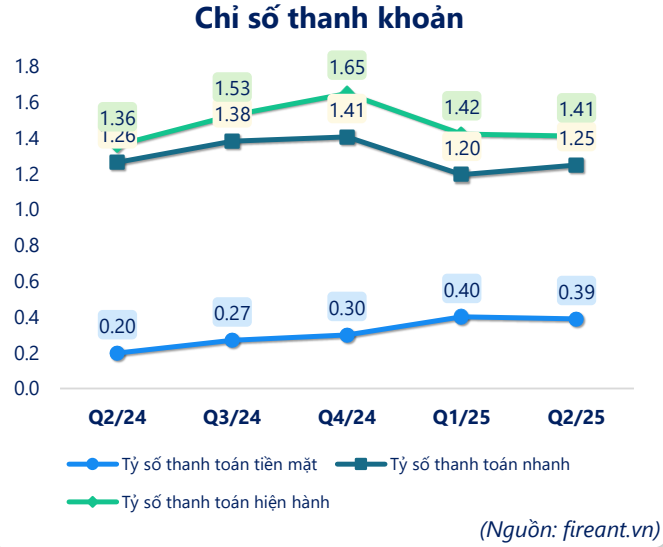

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

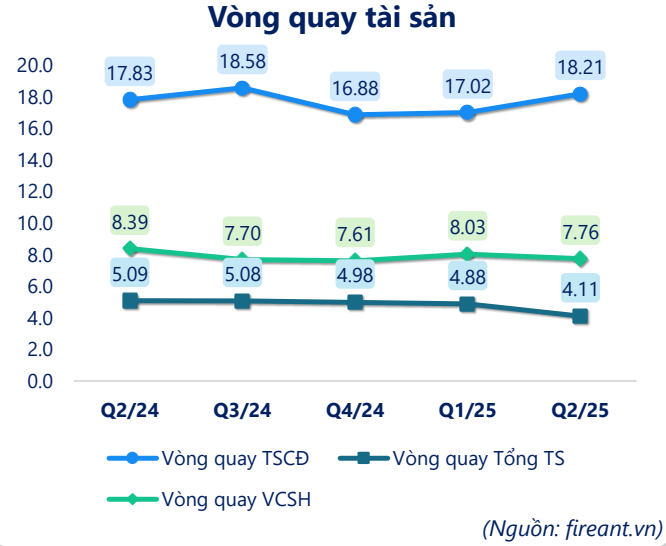

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**226**	**226**	**203**	**216**	**259**
Tài sản ngắn hạn	**145**	**139**	**113**	**122**	**169**
Tiền và tương đương tiền	21.1	24.6	20.6	34.4	46.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.89	7.60	8.87	0.52	1.62
Phải thu ngắn hạn	103	90.1	65.6	62.0	97.9
Hàng tồn kho	10.2	13.2	16.7	19.4	19.3
Tài sản ngắn hạn khác	1.75	3.93	1.65	5.72	3.82
Tài sản dài hạn	**81.2**	**86.1**	**89.3**	**93.7**	**89.6**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	54.0	53.8	59.7	58.1	55.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.96	5.07	0.36	0.84	1.62
Đầu tư tài chính dài hạn	3.62	3.59	3.61	4.88	0.00
Tài sản dài hạn khác	20.6	23.7	25.6	29.9	32.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**107**	**91.9**	**69.5**	**86.8**	**121**
Nợ ngắn hạn	**107**	**91.3**	**68.8**	**85.9**	**120**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.5	17.5	14.5	15.3	13.3
Phải trả người bán ngắn hạn	72.3	47.8	33.7	48.9	76.7
Nợ dài hạn	0.38	0.53	0.69	0.87	1.09
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**119**	**134**	**133**	**129**	**138**
Vốn chủ sở hữu	**119**	**134**	**133**	**129**	**138**
Vốn điều lệ	64.2	80.3	80.3	80.3	80.3
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)